TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 914/2025/DS-ST
Ngày: 30/ 9/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10– TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đặng Thị Vân Hương.**

*Các Hội thẩm nhân dân:***1. Ông Đặng Văn Ẩn**

2. Ông Lê Trung

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 02/2025/DSST ngày 14/7/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 331/2025/QĐXXST-DS ngày 18/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 373/2025/QĐST-DS ngày 11/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần P2.**

Địa chỉ: Số D và D L, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Văn T** - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đình A** - Chức vụ: Giám đốc phòng xử lý nợ khối vận hành.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lô Lâm P hoặc ông Võ Ngọc Quang H.

2. Bị đơn: **Trương Văn P1**, năm sinh: 1971.

Địa chỉ: Nhà không số, Ấp C, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Trương Văn P1 vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do; ông Võ Ngọc Quang H có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P2 - Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP P2 (O) với ông Trương Văn P1 đã thỏa thuận ký kết các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ sau để vay vốn tại OCB chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng số: ST19021208/2019/CPN/HĐTD ngày 01/10/2019 và các Khế ước nhận nợ liên quan

Số tiền vay: 5.630.000.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng)

Mục đích vay: Vay mua bất động sản tại thửa đất số 525, tờ bản đồ số 51, địa chỉ tại Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Thời hạn vay : 250 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên;

Tiền lãi được tính trên trên cơ sở 1 năm là 365 ngày. Số tiền lãi phải trả = (số dư nợ thực tế tính lãi) x (Số ngày thực tế của kỳ tính lãi) x (Lãi suất (%/năm)) : 365.

Lãi suất cho vay trong hạn: Theo thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ: Trong 03 tháng đầu: Lãi suất vay 10,5%/năm. Từ tháng thứ 04 trở đi: áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (sau đây gọi là Kỳ điều chỉnh lãi suất), kỳ điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 11/10/2020 hoặc ngày tháng tùy theo từng Khế ước cụ thể theo công thức tính lãi suất như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + biên độ lãi suất (2) trong đó:

Lãi suất cơ sở (1): là lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng VND trả lãi cuối kỳ cao nhất do OCB công bố tại thời điểm tính lãi.

Biên độ lãi suất (2): Tối thiểu 3,3%/năm.

Thay đổi lãi suất: OCB được quyền điều chỉnh, thay đổi kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở, biên độ lãi suất và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của O tại từng thời kỳ.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Trương Văn P1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số ST19021208/2019/CPN/HĐTD ngày 01/10/2019 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết giữa OCB với ông Trương Văn P1.

Tổng nghĩa vụ nợ của ông Trương Văn P1 tại OCB phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số ST19021208/2019/CPN/HĐTD ngày 01/10/2019 và các Khế

ước nhận nợ đã được ký kết tạm tính đến ngày 30/09/2025 là 449.761.353 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm năm mươi ba đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 0 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 326.572.427 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 6.774.972 đồng;

+ Nợ lãi chậm trả lãi: 116.413.954 đồng.

Ngân hàng O đã nhiều lần nhắc nợ và yêu cầu ông Trương Văn P1 thanh toán nhưng đến nay ông Trương Văn P1 vẫn không thanh toán nợ vay cho O. Vì vậy, ông Trương Văn P1 đã vi phạm cam kết, nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ và các cam kết đã ký kết với OCB.

Ngân hàng TMCP P2 kính đề nghị Q Tòa án xem xét giải quyết những yêu cầu sau:

Buộc ông Trương Văn P1 trả ngay cho Ngân hàng TMCP P2 tổng số nợ của hợp đồng tín dụng số ST19021208/2019/CPN/HĐTD ngày 01/10/2019 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết tạm tính đến ngày 30/09/2025 là 448.039.234 đồng (Bằng chữ: bốn trăm bốn mươi tám triệu không trăm ba mươi chín nghìn hai trăm ba mươi bốn đồng) trong đó:

+ Nợ gốc: 0 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 326.572.427 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 6.774.972 đồng;

+ Nợ lãi chậm trả lãi: 116.413.954 đồng.

và tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng/Khế ước nhận nợ đã ký kết từ ngày 01/10/2025 cho đến khi ông Trương Văn P1 hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP P2. Yêu cầu thanh toán toàn bộ số tiền nợ một lần ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực Pháp luật.

Bị đơn là ông Trương Văn P1 vắng mặt trong tất cả các lần triệu tập đến toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm.

Áp dụng Điều 21, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 BLTTDS năm 2015; Áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần P2.

Về án phí: đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng thương mại cổ phần P2 khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn P1 thanh thoán nợ gốc và lãi phát sinh từ việc sử dụng tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số ST19021208/2019/CPN/HĐTD ngày 01/10/2019 do đó Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Trương Văn P1 có nơi ở hiện tại là Nhà không số, Ấp C, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh. Do bị đơn Ông Trương Văn P1 có nơi cư trú tại xã V, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Trương Văn P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đại diện uỷ quyền của ngân hàng ông Trương Văn P1 có nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

[4] Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào năm 2020 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết vụ án.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Trương Văn P1 nhưng ông P1 vẫn vắng mặt không đến Tòa án giải quyết, không có văn bản trình bày ý kiến đối

với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không giao nộp tài liệu, chứng cứ bác bỏ yêu cầu của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông P1 đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[6] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0300852005 đăng ký lần đầu ngày 10/5/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 13/4/2022 thì Ngân hàng thương mại cổ phần P2 là tổ chức có tư cách pháp nhân được quyền tham gia các giao dịch dân sự. Bị đơn ông Trương Văn P1 là cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện. Đồng thời sự thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng tín dụng số ST19021208/2019/CPN/HĐTD ngày 01/10/2019 về việc cấp tín dụng có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng đã giao kết có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng. Vì vậy các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng thương mại cổ phần P2 đã ký với Ông Trương Văn P1 hợp đồng tín dụng, chi tiết như sau:

Hợp đồng tín dụng số: ST19021208/2019/CPN/HĐTD ngày 01/10/2019 và các Khế ước nhận nợ liên quan

Số tiền vay: 5.630.000.000 đồng (Năm tỷ sáu trăm ba mươi triệu đồng)

Mục đích vay: Vay mua bất động sản tại thửa đất số 525, tờ bản đồ số 51, địa chỉ tại Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Thời hạn vay : 250 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên;

Lãi suất vay: Tiền lãi được tính trên trên cơ sở 1 năm là 365 ngày. Số tiền lãi phải trả = (số dư nợ thực tế tính lãi) x (Số ngày thực tế của kỳ tính lãi) x (Lãi suất (%/năm)) : 365

Lãi suất cho vay trong hạn: Theo thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ: Trong 03 tháng đầu: Lãi suất vay 10,5%/năm. Từ tháng thứ 04 trở đi: áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần (sau đây gọi là Kỳ điều chỉnh lãi suất), kỳ điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 11/10/2020 hoặc ngày tháng tùy theo từng Khế ước cụ thể theo công thức tính lãi suất như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở (1) + biên độ lãi suất (2) trong đó:

Lãi suất cơ sở (1): là lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng VND trả lãi cuối kỳ cao nhất do OCB công bố tại thời điểm tính lãi.

Biên độ lãi suất (2): Tối thiểu 3,3%/năm.

Thay đổi lãi suất: OCB được quyền điều chỉnh, thay đổi kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở, biên độ lãi suất và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của O tại từng thời kỳ.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Trương Văn P1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số ST19021208/2019/CPN/HĐTD ngày 01/10/2019 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết giữa OCB với ông Trương Văn P1.

Tổng nghĩa vụ nợ của ông Trương Văn P1 tại OCB phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số ST19021208/2019/CPN/HĐTD ngày 01/10/2019 và các Khế ước nhận nợ đã được ký kết tạm tính đến ngày **30/09/2025** là **449.761.353 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm năm mươi ba đồng)**, trong đó:

+ Nợ gốc: 0 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 326.572.427 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 6.774.972 đồng;

+ Nợ lãi chậm trả lãi: 116.413.954 đồng.

[10] Trong quá trình hoà giải và tại phiên toà ngày hôm nay ông Trương Văn P1 vẫn không đến toà cũng như không có bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến.

[11] Căn cứ vào Bảng kế hoạch trả nợ, lịch sử thanh toán và lời khai của nguyên đơn, có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi đối với Ngân hàng thương mại cổ phần P2 tại Hợp đồng tín dụng số ST19021208/2019/CPN/HĐTD ngày 01/10/2019

[12] Hội đồng xét xử xét thấy, Ngân hàng thương mại cổ phần P2 là tổ chức tín dụng, vì vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Do đó, từ những căn cứ đã viện dẫn thì Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P2 đối với bị đơn bà Nguyễn Tuyết H1, cụ thể như sau:

Ngân hàng thương mại cổ phần P2 yêu cầu Ông Trương Văn P1 thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 30/9/2025 là 449.761.353 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm năm mươi ba đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 0 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 326.572.427 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 6.774.972 đồng;

+ Nợ lãi chậm trả lãi: 116.413.954 đồng.

[15] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số K0003/1222 ngày 30/08/2022.

[16] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định "Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật". Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trương Văn P1 tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 6 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cụ thể: Ông Trương Văn P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.990.454 (Hai mươi mốt triệu chín trăm chín mươi nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng).

[8] Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản

1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P2 đối với bị đơn ông Trương Văn P1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bị đơn ông Trương Văn P1 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P2 theo hợp đồng số Hợp đồng tín dụng số ST19021208/2019/CPN/HĐTD ngày 01/10/2019 tính đến ngày 30/9/2025 là 449.761.353 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm năm mươi ba đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 0 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 326.572.427 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 6.774.972 đồng;

+ Nợ lãi chậm trả lãi: 116.413.954 đồng.

3. Các bên giao nhận tiền tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận theo hợp đồng cho vay số Hợp đồng tín dụng số ST19021208/2019/CPN/HĐTD ngày 01/10/2019 Các bên thi hành án tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Trương Văn P1 phải chịu 21.990.454 (Hai mươi mốt triệu chín trăm chín mươi nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần P2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.565.608 đồng (Chín triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm lẻ tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 008052 ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự

vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM;
- VKSND KV10;
- THADS KV10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

2 000019 113201

Đặng Thị Vân Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dânThẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

1.

2.**Đặng Thị Vân Hương**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 30/9/2025 , tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ toạ phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vân Hương**

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà

2. Bà

Đã nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 02/2025/DSST ngày 14/07/2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Phương Đông.**

Địa chỉ: Số 41và 45 đường Lê Duẩn, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lô Lâm Phương hoặc ông Võ Ngọc Quang Huy.

2. Bị đơn: **Trương Văn Phú**, năm sinh: 1971.

Địa chỉ: Nhà không số, Ấp 38, xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Trương Văn Phú vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do; ông có Võ Ngọc Quang Huy đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên Tòa)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông đối với bị đơn ông Trương Văn Phú về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bị đơn ông Trương Văn Phú có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông theo hợp đồng số Hợp đồng tín dụng số ST19021208/2019/CPN/HĐTD ngày 01/10/2019 tính đến ngày

30/9/2025 là **449.761.353 đồng (Bốn trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn, ba trăm năm mươi ba đồng)**, trong đó:

+ Nợ gốc: 0 đồng;
+ Nợ lãi trong hạn: 326.572.427 đồng;
+ Nợ lãi quá hạn: 6.774.972 đồng;
+ Nợ lãi chậm trả lãi: 116.413.954 đồng.

3. Các bên giao nhận tiền tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận theo hợp đồng cho vay số Hợp đồng tín dụng số ST19021208/2019/CPN/HĐTD ngày 01/10/2019 Các bên thi hành án tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Biểu quyết 3/3

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Trương Văn Phú phải chịu 21.990.454 (Hai mươi mốt triệu chín trăm chín mươi nghìn bốn trăm năm mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.565.608 đồng (Chín triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn sáu trăm lẻ tám đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 008052 ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Biểu quyết 3/3

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 9 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**